

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỊ THỦY  
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 27- 02 - 2025  
“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Minh Tiếp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thị Bé Ngọc.
- Ông Nguyễn Đông Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Phước Lộc - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1975. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp ..., xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn X; sinh năm: 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp ..., xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Đỗ Văn X kết hôn vào năm 2005. Hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 24/02/2025.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Văn X.

Về con chung: Có một con chung tên Đỗ Thị Hoàng Q (giới tính: nữ), sinh ngày 22/06/2000, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đỗ Văn X trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật như lời trình bày của bà H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông X đồng ý.

Ông Xúng thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bị đơn. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn X tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 24/02/2025. Xét thấy việc kết hôn của bà H và ông X tuân thủ theo các điều kiện quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa bà H và ông X là hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông X, ông X cũng

thống nhất ly hôn. Từ đó cho thấy vợ chồng không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ. Xét thấy giữa bà H và ông X đã không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho bà Hà và ông Xúng ly hôn.

[5] Về con chung: Có một con chung tên Đỗ Thị Hoàng Q (giới tính: nữ), sinh ngày 22/06/2000, hiện đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn X ly hôn.
2. Về con chung: Đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008818 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà Nguyễn Thị H không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**Châu Minh Tiếp**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Trần Thị Bé Ngọc**

**Võ Xuân Hùng**

**Võ Thị Ánh Trúc**